

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 5 - 2022

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Sơn và bà Đinh Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/HNGĐ - ST ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phạm Thị V, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: ông Dương Văn H, sinh năm: 1962

Địa chỉ: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa bà Phạm Thị V có mặt, ông Dương Văn H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị V trình bày: bà và ông Dương Văn H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 16/01/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Ninh Bình, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông H nghiện ma túy, mặt khác có tính cố chấp. Đến năm 2013 ông H bị bắt và phải đi chấp hành án thời gian là 8 năm 6 tháng, trong thời gian ông H đi chấp hành án thì bà vẫn đi thăm nuôi ông H bình thường. Sau khi ông H đi chấp hành án trở về thì ông H thường xuyên chửi bới bà và đập phá đồ đạc trong nhà, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên căng thẳng nên bà đã bỏ đi miền nam thời gian khoảng 7 tháng. Trong thời gian này ông H lại tiếp tục vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án về tội ma túy, bà lại quay về và tiếp tục thăm nuôi ông H. Thực tế việc bà đi thăm nuôi ông H là bản thân bà muốn giữ cho con cái có gia đình cả bố và mẹ còn thực tế là tình cảm giữa bà và ông H không còn. Sau khi ông H đi chấp hành án lần 2 trở về lại tiếp tục chửi bới bà và đập phá đồ đạc. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng nên bà đã thuê nhà ở riêng và vợ chồng bà

chính thức ly thân nhau từ ngày 22/9/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông, bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn H.

Về con chung, con riêng: bà và ông Dương Văn H có 02 con chung là cháu Dương Công H, sinh ngày 24/02/1997 và cháu Dương Thùy L, sinh ngày 28/9/2000. Hiện nay hai cháu H và L đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho ông H nhưng ông H không có văn bản trả lời, không có bản tự khai và cũng không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ các văn bản giấy tờ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V xin ly hôn Dương Văn H.

- Về nuôi con chung, con riêng: bà Phạm Thị V và ông Dương Văn H có 02 con chung là cháu Dương Công H, sinh ngày 24/02/1997 và cháu Dương Thùy L, sinh ngày 28/9/2000. Hiện nay hai cháu H và L đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: bà Phạm Thị V không đề nghị nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bà Phạm Thị V có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Dương Văn H ở địa chỉ: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị V cung cấp ông Dương Văn H có địa chỉ tại: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo để đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Bị đơn cũng không thể hiện ý kiến, quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 06/5/2022 ông Dương Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 19/5/2022 ông Dương Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị V và ông Dương Văn H kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 16/01/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Ninh Bình. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị V và ông Dương Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do nghiện ma túy và thường xuyên phải đi chấp hành án, mặc dù ông H đi chấp hành án nhưng vì tình nghĩa vợ chồng và vì con nên bà V vẫn đi thăm nuôi ông H dù tình cảm không còn. Sau khi ông H đi chấp hành án trở về thường xuyên chửi bới xúc phạm bà V, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên căng thẳng và vợ chồng ông bà đã ly thân từ ngày 22/9/2021 cho đến nay. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà và ông H không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nên bà V cương quyết xin ly hôn ông H.

Tại đơn đề nghị ngày 10/02/2022 của anh Dương Công H là con ông H, bà V trình bày “Trong quá trình chung sống chung, bố anh thường xuyên chửi bới nhiếc móc mẹ anh làm ảnh hưởng đến tâm lý và sức khỏe của mẹ anh”

Tại biên bản xác minh ngày 25/02/2022 tại thôn T xác định ông H nhiều lần vi phạm pháp luật và thường xuyên phải đi chấp hành án vì vậy thời gian ông H, bà V ở chung cùng nhau không nhiều. Tháng 9/2021 ông H chấp hành án xong trở về địa phương, khi ông H về thì bà V lại đi nơi khác ở, ông bà ly thân từ đó đến nay.

Từ căn cứ trên xét thấy mâu thuẫn giữa bà V, ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nếu cứ níu kéo sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của mỗi người. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị V là phù hợp với pháp luật.

[4] Về nuôi con chung: bà Phạm Thị V và ông Dương Văn H có 02 con chung là Dương Công H, sinh ngày 24/02/1997 và Dương Thùy L, sinh ngày 28/9/2000. Hiện nay hai cháu H và L đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án

giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: bà Phạm Thị V không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị V xin ly hôn với ông Dương Văn H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: cho bà Phạm Thị V được ly hôn ông Dương Văn H.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002529 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Bà Phạm Thị V đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- UBND xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình
- Chi cục THADS TP. T;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Ngọc Tú